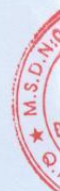


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính hợp nhất	05-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-04
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	05-06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	07
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	08-32

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		681.696.752.601	-690.933.424.399
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.239.358.825	16.067.856.983
111	1. Tiền		5.739.358.825	10.067.856.983
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	6.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.130.000.000	1.865.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.130.000.000	1.865.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		195.796.910.846	211.918.084.373
131	1. Phải thu của khách hàng		122.443.333.642	155.827.042.830
132	2. Trả trước cho người bán		38.144.118.088	20.888.504.280
135	5. Các khoản phải thu khác	5	35.648.538.116	35.641.616.263
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(439.079.000)	(439.079.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	406.109.427.410	410.388.459.033
141	1. Hàng tồn kho		406.109.427.410	410.388.459.033
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		69.421.055.520	50.694.024.010
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		60.000.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.780.180.479
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	69.361.055.520	48.913.843.531
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.253.629.213	17.116.419.338
220	II. Tài sản cố định		5.699.347.759	6.738.178.025
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.535.910.259	1.878.123.709
222	- Nguyên giá		6.267.303.626	6.237.303.626
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.731.393.367)	(4.359.179.917)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.163.437.500	4.860.054.316
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	10.184.194.222	9.468.410.679
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.574.194.222	1.858.410.679
258	3. Đầu tư dài hạn khác		7.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		370.087.232	909.830.634
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	370.087.232	909.830.634
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		697.950.381.814	708.049.843.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		524.030.415.113	534.952.693.671
310	I. Nợ ngắn hạn		496.015.967.931	534.952.693.671
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	169.016.869.733	163.986.337.233
312	2. Phải trả người bán		86.100.644.579	119.226.027.978
313	3. Người mua trả tiền trước		59.939.131.388	48.960.714.622
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.085.419.658	9.571.844.577
315	5. Phải trả người lao động		81.123.958	121.428.000
316	6. Chi phí phải trả	14	6.382.206.952	6.923.923.313
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	162.518.593.174	180.739.221.580
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	3.387.607.372
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.891.978.489	2.035.588.996
330	II. Nợ dài hạn		28.014.447.182	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		28.014.447.182	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		164.274.489.255	162.912.356.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	164.274.489.255	162.912.356.887
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		34.581.232.915	30.726.479.865
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.899.281.683	8.739.874.069
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.794.534.657	23.446.562.953
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		9.645.477.446	10.184.793.179
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		697.950.381.814	708.049.843.737

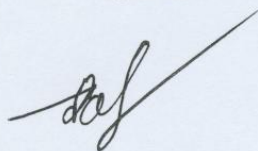
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

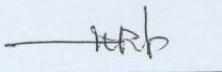
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Euro (EUR)		83,82	83,76

Người lập



Phạm Văn Phong

Kế toán trưởng



Trịnh Duy Hoàn



Vương Đăng Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,

Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2013		Quý II năm 2012		6 tháng đầu năm 2013		6 tháng đầu năm 2012	
			VND		VND		VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	56.784.970.865		91.390.524.538		99.375.051.373		190.827.989.642	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	388.289.791		1.015.210.114		388.289.791		1.015.210.114	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	56.396.681.074		90.375.314.424		98.986.761.582		189.812.779.528	
11	4. Giá vốn hàng bán	20	54.422.498.316		81.788.262.795		92.571.073.669		170.843.156.179	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.974.182.758		8.587.051.629		6.415.687.913		18.969.623.349	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.402.922.687		7.295.512.206		8.128.822.500		15.662.103.151	
22	7. Chi phí tài chính	22	1.148.639.400		7.518.192.752		4.081.686.492		12.739.628.620	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.148.639.400		7.518.192.752		4.081.686.492		12.739.628.620	
24	8. Chi phí bán hàng		16.000.000		-		16.000.000		-	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.710.311.679		6.909.999.996		9.787.601.500		16.311.393.164	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(497.845.634)		1.454.371.087		659.222.421		5.580.704.716	
31	11. Thu nhập khác	23	3.399.107.372		10.000		3.572.826.662		951.515.740	
32	12. Chi phí khác		16.410.235		52.013.357		16.410.235		52.066.142	
40	13. Lợi nhuận khác		3.382.697.137		(52.003.357)		3.556.416.427		899.449.598	
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(184.758.417)		-		(184.216.457)		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2013		Quý II năm 2012		6 tháng đầu năm 2013		6 tháng đầu năm 2012	
			VND		VND		VND		VND	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.700.093.086		1.402.367.730		4.031.422.391		6.480.154.314	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	666.562.719		193.288.207		1.005.896.213		1.126.869.313	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24	6.636.657		(13.089.080)		-		135.289.657	
	Lợi nhuận sau thuế chia cho đối tác		-		43.822.769		-		43.822.769	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.026.893.710		1.178.345.834		3.025.526.178		5.174.172.575	
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		435.387.211		347.762.074		499.112.600		383.876.322	
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		1.591.506.499		830.583.760		2.526.413.578		4.790.296.253	
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	160		83		253		479	

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 07 năm 2013

Giám đốc



Phạm Văn Phong

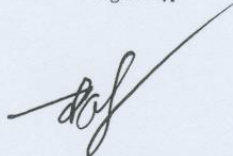
Trịnh Duy Hoàn

Vương Đăng Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT6 tháng đầu năm 2013
(Theo phương pháp trực tiếp)

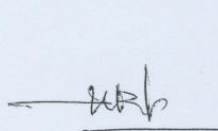
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		170.372.064.272	292.267.051.741
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(173.745.390.230)	(289.355.109.535)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.206.097.865)	(48.327.017.826)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.074.311.808)	(11.308.392.417)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.954.347.239)	(7.134.275.128)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		36.819.868	14.730.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.221.590.156)	(12.396.893.754)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.792.853.158)	(76.239.906.919)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.000.000)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(610.000.000)	(1.395.400.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		345.000.000	500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(900.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.128.822.500	16.651.503.151
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.933.822.500	15.756.103.151
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		72.909.173.000	136.777.032.200
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(67.878.640.500)	(65.082.868.800)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.249.860.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.030.532.500	59.444.303.400
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.828.498.158)	(1.039.500.368)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		16.067.856.983	17.640.559.190
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	8.239.358.825	16.601.058.822

Người lập



Phạm Văn Phong

Kế toán trưởng



Trịnh Duy Hoàn

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2013



Vương Đăng Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.999.440.000 đồng; tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 14, Khu đô thị mới XaLa, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại và Dịch vụ HUD3.6	P603 Tòa nhà 159, Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.847.992.809	2.038.048.788
Tiền gửi ngân hàng	2.891.366.016	8.029.808.195
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	2.500.000.000	6.000.000.000
	8.239.358.825	16.067.856.983

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho vay thời hạn dưới 12 tháng	2.130.000.000	1.865.000.000
	2.130.000.000	1.865.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về kinh phí công đoàn	29.587.157	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	69.537.716	69.537.716
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư (*)	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	926.112.667	1.183.286.137
Phải thu khác	2.140.300.576	1.905.792.410
	35.648.538.116	35.641.616.263

(*) : Xem thông tin bổ sung tại thuyết minh số 15.

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	404.461.925.795	410.388.459.033
Hàng hoá	1.647.501.615	-
	406.109.427.410	410.388.459.033

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	69.361.055.520	48.913.843.531
	69.361.055.520	48.913.843.531

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	278.981.819	5.025.216.027	933.105.780	6.237.303.626
Mua sắm mới	-	-	30.000.000	30.000.000
Số dư cuối kỳ	278.981.819	5.025.216.027	963.105.780	6.267.303.626
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	56.514.850	3.491.942.829	810.722.238	4.359.179.917
Trích khấu hao	35.909.092	280.231.242	56.073.116	372.213.450
Số dư cuối kỳ	92.423.942	3.772.174.071	866.795.354	4.731.393.367
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	222.466.969	1.533.273.198	122.383.542	1.878.123.709
Tại ngày cuối kỳ	186.557.877	1.253.041.956	96.310.426	1.535.910.259

Trong đó
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.376.161.368 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.860.054.316	4.860.054.316
Giảm khác	(696.616.816)	-
Số dư cuối kỳ	4.163.437.500	4.860.054.316
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.163.437.500	4.860.054.316
- Dự án 123 Tô Hiệu (*)	4.163.437.500	4.163.437.500
- Dự án T1 - T10 CT18 Việt Hưng	-	696.616.816
	4.163.437.500	4.860.054.316

(*) Đây là giá trị chi phí đầu tư xây dựng phân bổ cho phần diện tích mà Công ty giữ lại để tăng tài sản khi các dự án này hoàn thành.

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.574.194.222	1.858.410.679
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	1.674.194.222	1.858.410.679
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch Vụ HUD3.6 (*)	900.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	7.610.000.000	7.610.000.000
	10.184.194.222	9.468.410.679

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Thành phố Hà Nội	20,00%	20,00%	Đầu tư, xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch Vụ HUD3.6 (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	Xây lắp, tư vấn, cho thuê máy móc thiết bị

(*) Đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch vụ HUD3.6 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCHĐ ngày 26 tháng 04 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty. Tại thời điểm 30/06/2013, số vốn thực góp của Công ty là 900 triệu đồng, số vốn thực góp của các cổ đông khác là 900 triệu đồng, do đó tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch vụ HUD3.6 là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko Việt Nam ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Góp vốn Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	7.610.000.000	7.610.000.000

(1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	909.830.634	2.285.667.273
Số tăng trong kỳ	34.173.636	707.791.451
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(573.917.038)	(1.666.918.996)
Số dư cuối kỳ	370.087.232	1.326.539.728

Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	370.087.232	836.863.844
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	54.562.506
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	18.404.284
	370.087.232	909.830.634

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	169.016.869.733	163.986.337.233
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	118.629.517.433	114.569.384.933
- Vay đối tượng khác ⁽²⁾	50.387.352.300	49.416.952.300
	169.016.869.733	163.986.337.233

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 31/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 232 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay ngắn hạn phục vụ thi công dự án đầu tư xây dựng tòa nhà ở kết hợp văn phòng cho thuê Golden Palace tại 121 - 123 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội;
- + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Thời hạn vay của mỗi khoản giải ngân không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất huy động thực tế kỳ hạn 3 tháng của ngân hàng cộng phí dịch vụ ngân hàng tối thiểu 4%/năm, lãi suất tại thời điểm 30/06/2013 là 13%;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay và tài sản được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng bảo đảm tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp quy định của ngân hàng.
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 95.101.935.833 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐTDHM ngày 04/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn rút vốn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2013, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất quy định trên từng khế ước cụ thể, lãi suất tại ngày 30/06/2013 là 12%;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay thụ hưởng;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 21.897.581.600 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD ngày 07/06/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.030.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về tài sản, quyền, nghĩa vụ được quy định cụ thể trong các hợp đồng thế chấp;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.030.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD ngày 25/06/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 600.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về tài sản, quyền, nghĩa vụ được quy định cụ thể trong các hợp đồng thế chấp;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 600.000.000 đồng.

(2) Các khoản vay tổ chức, cá nhân khác với lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Công ty giao dịch tại từng thời điểm, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay không xác định thời hạn hoặc thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.025.494.469	3.225.880.970
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.993.486.635	5.941.937.661
Thuế Thu nhập cá nhân	66.438.554	404.025.946
	10.085.419.658	9.571.844.577

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	6.367.186.952	6.803.923.313
Trích trước Chi phí thuê văn phòng	-	120.000.000
Chi phí phải trả khác	15.020.000	-
	6.382.206.952	6.923.923.313

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	102.856.714	57.690.208
Bảo hiểm xã hội	243.855.126	47.058.118
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	391.989.131	391.989.131
Phải trả lãi vay vốn	2.616.788.712	2.609.414.028
Phải trả các đối chi phí các dự án, các công trình	95.309.313.051	118.917.302.442
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư (*)	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	2.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	15.646.500.000	15.646.500.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.110.254.751	2.110.254.751
Phải trả tiền thuế chuyển nhượng bất động sản	-	465.906.560
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	-	687.684.800
Phải trả khác về các dự án	10.336.982.300	2.278.359.600
Phải trả, phải nộp khác	1.167.925.753	1.934.934.306
	162.518.593.174	180.739.221.580

(*) Đây là các khoản tiền nhận của các tổ chức, cá nhân ủy thác cho Công ty để đầu tư vào các đơn vị khác theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Số tiền Công ty đã đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận là khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012						
Số dư đầu năm	99.999.440.000	9.615.503.784	6.126.633.418	-	51.667.589.585	167.409.166.787
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.834.119.022	4.834.119.022
Phân phối lợi nhuận	-	21.467.350.478	2.693.732.931	-	(52.928.128.065)	(28.767.044.656)
Lợi nhuận phải chia cho đối tác	-	-	-	-	(43.822.769)	(43.822.769)
Giảm khác	-	-	-	-	(98.806.201)	(98.806.201)
Số dư cuối kỳ	99.999.440.000	31.082.854.262	8.820.366.349	-	3.430.951.572	143.333.612.183
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2013						
Số dư đầu năm	99.999.440.000	30.726.479.865	8.739.874.069	-	23.446.562.953	162.912.356.887
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.526.413.578	2.526.413.578
Phân phối lợi nhuận	-	3.854.753.050	1.159.407.614	-	(6.178.441.874)	(1.164.281.210)
Số dư cuối kỳ	99.999.440.000	34.581.232.915	9.899.281.683	-	19.794.534.657	164.274.489.255

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 04 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,00%	21.865.361.048
Trích Quỹ đầu tư phát triển	16,83%	3.678.914.544
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	1.093.268.052
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.093.268.052
Chi trả cổ tức bằng 16% vốn điều lệ (*)	73,17%	15.999.910.400

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49,00%	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000
	100%	99.999.440.000	100%	99.999.440.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp đầu kỳ	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp cuối kỳ	99.999.440.000	99.999.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.999.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	24.999.860.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	9.999.944
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	34.581.232.915	30.726.479.865
Quỹ dự phòng tài chính	9.899.281.683	8.739.874.069
	44.480.514.598	39.466.353.934

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, bán hàng hóa và cho thuê máy móc thiết bị	56.784.970.865	91.390.524.538	99.375.051.373	190.827.989.642
	<u>56.784.970.865</u>	<u>91.390.524.538</u>	<u>99.375.051.373</u>	<u>190.827.989.642</u>

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND	VND	VND
Giảm giá hàng bán	388.289.791	1.015.210.114	388.289.791	1.015.210.114
	<u>388.289.791</u>	<u>1.015.210.114</u>	<u>388.289.791</u>	<u>1.015.210.114</u>

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, bán hàng hóa và cho thuê máy móc thiết bị	56.396.681.074	90.375.314.424	98.986.761.582	189.812.779.528
	<u>56.396.681.074</u>	<u>90.375.314.424</u>	<u>98.986.761.582</u>	<u>189.812.779.528</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, bán hàng
hóa và cho thuê máy móc thiết bị

	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
	54.422.498.316	81.788.262.795	92.571.073.669	170.843.156.179
	<u>54.422.498.316</u>	<u>81.788.262.795</u>	<u>92.571.073.669</u>	<u>170.843.156.179</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn
Cổ tức, lợi nhuận được chia

	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
	4.210.922.687	6.795.512.206	7.936.822.500	14.412.103.151
	192.000.000	500.000.000	192.000.000	1.250.000.000
	<u>4.402.922.687</u>	<u>7.295.512.206</u>	<u>8.128.822.500</u>	<u>15.662.103.151</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
	1.148.639.400	7.518.192.752	4.081.686.492	12.739.628.620
	<u>1.148.639.400</u>	<u>7.518.192.752</u>	<u>4.081.686.492</u>	<u>12.739.628.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý II năm 2013

23 . THU NHẬP KHÁC

	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	3.387.607.372	-	3.387.607.372	951.505.740
Thu nhập khác	11.500.000	10.000	185.219.290	10.000
	3.399.107.372	10.000	3.572.826.662	951.515.740

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	666.562.719	193.288.207	1.005.896.213	1.126.869.313
	666.562.719	193.288.207	1.005.896.213	1.126.869.313
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	6.636.657	(13.089.080)	-	135.289.657
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.636.657	(13.089.080)	-	135.289.657

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.591.506.499	830.583.760	2.526.413.578	4.790.296.253
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.591.506.499	830.583.760	2.526.413.578	4.790.296.253
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.999.944	9.999.944	9.999.944	9.999.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	160	83	253	479

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.239.358.825	-	16.067.856.983	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	158.091.871.758	(439.079.000)	191.468.659.093	(39.079.000)
Đầu tư ngắn hạn	2.130.000.000	-	1.865.000.000	-
Đầu tư dài hạn	7.610.000.000	-	7.610.000.000	-
	176.071.230.583	(439.079.000)	217.011.516.076	(439.079.000)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			169.016.869.733	163.986.337.233
Phải trả người bán, phải trả khác			248.619.237.753	299.965.249.558
Chi phí phải trả			6.382.206.952	6.923.923.313
			424.018.314.438	470.875.510.104

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thống tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II năm 2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.239.358.825	-	-	8.239.358.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.652.792.758	-	-	157.652.792.758
Đầu tư ngắn hạn	2.130.000.000	-	-	2.130.000.000
Đầu tư dài hạn	-	7.610.000.000	-	7.610.000.000
	168.022.151.583	7.610.000.000	-	175.632.151.583
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.067.856.983	-	-	16.067.856.983
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.029.580.093	-	-	191.029.580.093
Đầu tư ngắn hạn	1.865.000.000	-	-	1.865.000.000
Đầu tư dài hạn	-	7.610.000.000	-	7.610.000.000
	208.962.437.076	7.610.000.000	-	216.572.437.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	169.016.869.733	-	-	169.016.869.733
Phải trả người bán, phải trả khác	248.619.237.753	-	-	248.619.237.753
Chi phí phải trả	6.382.206.952	-	-	6.382.206.952
	424.018.314.438	-	-	424.018.314.438
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	163.986.337.233	-	-	163.986.337.233
Phải trả người bán, phải trả khác	299.965.249.558	-	-	299.965.249.558
Chi phí phải trả	6.923.923.313	-	-	6.923.923.313
	470.875.510.104	-	-	470.875.510.104

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Quý II năm 2013 VND	Quý II năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Góp vốn vào công ty					
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Dịch vụ HUD3.6	Công ty liên kết	900.000.000	-	900.000.000	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ					
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	19.073.021.819	34.613.924.545	38.114.773.637	69.448.308.181
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	(*)	-	14.585.336.363	3.628.690.909	19.467.868.181
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	(*)	14.611.143.637	-	14.611.143.637	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí	(*)	-	-	-	673.548.182
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	-	-	-	4.427.110.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	(*)	-	-	-	2.193.660.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ					
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Công ty liên kết	962.100.000	5.921.813.636	2.513.900.909	6.648.928.181

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý II năm 2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền hàng			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	47.963.011.678	61.446.976.557
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	6.928.666.000	6.928.666.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị số 9	(*)	882.661.600	882.661.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	(*)	13.099.843.550	11.434.645.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	(*)	4.077.248.200	6.077.248.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà đô thị và Khu thể thao giải trí	(*)	1.350.583.538	1.350.583.538
- Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang	(*)	323.490.000	323.490.000
Ứng trước cho người bán			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	(**)	12.819.126.360	7.330.699.360
Phải trả nhà cung cấp			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	35.830.157.549	46.533.165.736
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Công ty liên kết	3.478.728.380	4.772.339.380
Khách hàng ứng trước			
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Công ty mẹ	26.944.035.080	25.941.629.974
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà HUD2	(*)	1.498.319.600	748.319.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	375.909.000	375.909.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	(*)	1.431.456.000	-
Phải trả vốn vay			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Công ty liên kết	6.400.000.000	5.269.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	1.300.000.000	-
Phải trả lãi vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	Công ty liên kết	490.960.922	581.972.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD6	(*)	86.952.269	-

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 đều là công ty con của Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

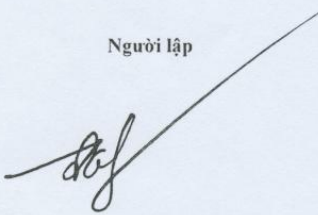
Quý II năm 2013

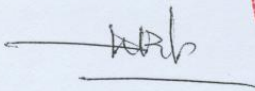
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	791.740.809	1.042.742.069

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Người lập  **Phạm Văn Phong**

Kế toán trưởng  **Trịnh Duy Hoàn**

 **Giám đốc**  **Vương Đăng Phương**

Ngày 30 tháng 07 năm 2013